

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh P**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021.

*"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản chung, nợ chung
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông An Văn Khoái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TM, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TM, tỉnh HD tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án, Toà án nhân dân huyện TM xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị TH - sinh năm 1968.*

HKTT: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD.

2. *Bị đơn: Anh Hoàng Kim C - sinh năm 1966.*

Địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nhữ Thị TH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Kim C trước khi kết hôn được tự do, tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ, huyện Ninh Thanh (nay là huyện TM) tỉnh HD ngày 26/3/1988. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính nết không hợp nhau, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, đã nhiều lần anh C đánh chị, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị, bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được, anh C rất gia trưởng mọi việc trong gia đình anh C tự quyết và không cho chị có ý kiến, luôn bắt chị làm theo, chị TH đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Bình Giang từ tháng 04 năm 2020, cũng từ đó đến nay vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

Về quan hệ con chung: Chị TH xác định trong quá trình chung sống chị và anh C có một con chung là cháu Hoàng Kim P, sinh ngày 14/03/2012. Hiện tại đang ở với anh C được anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, học hành ổn định. Cháu P có nguyện vọng xin được ở với bố, anh C có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, chị đồng ý.

Về quan hệ tài sản chung: Chị xác định chị và anh C có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 326 có diện tích 267 m² (đất ở nông thôn) trị giá 1.335.000.000đ (một tỷ, ba trăm ba mươi triệu đồng); Thửa đất số 328 diện tích 117 m² (đất nuôi trồng thủy sản) có thời hạn đến 2013, chưa làm thủ tục gia hạn sử dụng có giá trị 8.775.000đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi năm triệu đồng) thuộc tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2007 mang tên anh Hoàng Kim C. Toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà, C trình phụ, cây cối và vườn là do hai vợ chồng xây dựng và vượt lập. Ly hôn chị đề nghị chia đôi các tài sản trên và chị xin được hưởng bằng hiện vật. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản khác.

Về nợ chung: Chị TH xác định chị và anh C có một khoản nợ chung tại Quỹ tín dụng nhân dân xã NQ tiền gốc là 50.000.000đ thời hạn vay là 1 năm (04 quý) bắt đầu từ 20/12/2019 đến 23/12/2020, lãi suất 10,8%/năm. Anh C đã trả toàn bộ nợ tiền gốc là 50 triệu và lãi 4.640.000đ. Chị và anh C đã thống nhất thỏa thuận chị sẽ trả lại cho anh C 1/2 tiền gốc và 1/2 tiền lãi, tổng bằng 27.320.000đ.

Trong bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn Anh Hoàng Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị TH trình bày. Sau khi kết hôn ban đầu anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh sau đó đã ra ăn, ở riêng nhưng vẫn cùng trên một thửa đất. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ đôi lúc cãi cọ nhau do bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 04 năm 2020, chị TH đã tự ý bỏ vào miền nam làm ăn, sinh sống, anh đã gọi điện nhiều lần yêu cầu chị về chung sống nhưng chị TH kiên quyết không về, sau khi chị TH về nhà bố mẹ đẻ tại Bình Giang, anh đã nhiều lần đến tìm, nhờ họ hàng, người thân, bạn bè đến nói chuyện cũng không được, anh xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay không đoàn tụ lần nào. Nay chị TH xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, vì cho rằng con anh còn nhỏ, anh nợ nần nhiều cần chị TH về cùng làm, ăn để trang trải nợ nần...Ngoài ra anh không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Anh và chị TH có 01 con chung là cháu Hoàng Kim P, sinh ngày 14/03/2012, hiện đang ở với anh được anh nuôi dưỡng và cho ăn học ổn định. Ly hôn mặc dù anh đang làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định nhưng gia đình anh đều ở bên cạnh, trường học gần nhà, nguyện vọng của cháu P xin được ở với Anh. Vì vậy anh xin nhận nuôi cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi, tại phiên hòa giải, phiên tòa anh thống nhất với chị TH để chị TH cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh mỗi tháng 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 21/5/2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 326 có diện tích 267 m² (đất ở nông thôn); Thửa đất số 328 diện tích 117 m² (đất nuôi trồng thủy sản) có thời hạn đến 2013, chưa làm thủ tục gia hạn sử dụng thuộc tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2007 mang tên anh Hoàng Kim C trên đất có nhà mái bằng 01 tầng, bể nước, sân bê tông, tường bao và 01 dãy C trình phụ, trên phần đất nuôi trồng thủy sản đã được anh chị vượt lập và có trồng một số cây như: 01 cây Vú sữa, 02 cây bơ, 02 cây trứng gà, 01 cây roi. Anh C cho rằng nguồn gốc 02 thửa đất trên là của bố mẹ anh cho, nếu ly hôn thì bố anh đề nghị chuyển cho con anh là cháu Hoàng Kim P. Tuy nhiên anh không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Việc chị TH yêu cầu chia thửa đất trên anh không đồng ý. Anh đề nghị để lại toàn bộ tài sản cho cháu Hoàng Kim P.

Về nợ chung: Đối với các khoản nợ anh đã kê khai với Tòa án trong quá trình giải quyết gồm: Nợ cơ sở sản xuất đồ gỗ Ánh Lý, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD tiền mua bộ salông còn 10.000.000đ; Nợ đại lý thuốc thú y Trần Hữu Duyên, địa chỉ: Thôn Quàn, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh HD 30.230.000đ; Nợ tiền mua vịt của vợ chồng anh Vũ Văn Ngọc, chị Vũ Thị Thoan, địa chỉ: Thôn Tiên Nữ, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD 60.000.000đ; Vay số tiền 100.000.000đ của ông Hoàng Kim Duyên, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD (bố đẻ anh C); Nợ tiền mua cám C nghiệp của chị Nguyễn Thị Hạnh, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD. Tổng số tiền nợ anh C kê khai là 329.390.000đ. Sau khi anh C kê khai nợ, Tòa án nhân dân huyện TM đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và giao cho anh C. Tuy nhiên anh C không nộp tiền tạm ứng án phí giải quyết nợ chung đồng thời tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh xác định chỉ trình bày với Tòa án, anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Đối với khoản vay Quỹ tín dụng nhân dân xã NQ tổng cộng 54.460.000đ tiền gốc và lãi anh đã thanh toán anh và chị TH xác định đó là nợ chung của vợ chồng và thỏa thuận chị TH sẽ trả lại cho anh 1/2 số tiền gốc, lãi bằng 27.320.000đ anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TM đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản: Xác định trị giá đất thổ cư tại thửa 326, tờ bản đồ số 06, diện tích 267m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 có giá trị là 5.000.000đ/m²(267 x 5.000.000đ = 1.335.000.000đ); Thửa đất số 328 đất nuôi trồng thủy sản có thời hạn đến năm 2013 có diện tích 117 m² có giá trị 75.000đ/m²(117 m² x 75.000.000đ = 8.775.000đ). Nhà ở có diện tích 42,24m² có giá trị 150.406.000đ; Sân bê tông có khối lượng 7,85 m³ trị giá: 4.464.240đ; Tường bao gạch chỉ có giá trị 4.569.440đ; bể nước có thể tích 6,79 m³ trị giá 7.010.000đ; 02 trụ cổng, 02 cánh cổng có giá trị 2.005.400đ. Tại buổi xem xét thẩm định và định giá tài sản anh C, chị TH xác định dãy C trình phụ xây dựng đã lâu, xuống cấp không còn giá trị sử dụng và một số cây cối trên phần đất nuôi trồng thủy sản anh chị không yêu cầu định giá sau này nếu Tòa án chia cho ai trên phần đất có các tài sản đó thì người được chia sẽ sở hữu, sử

dụng. Tòa án nhân dân huyện TM đã thông báo kết quả định giá, các đương sự không có ý kiến gì về việc định giá và kết quả định giá.

Số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ (ba triệu đồng) chị TH tự nguyện chịu cả và không yêu cầu Tòa án phân chia số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TM phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký HĐXX và các đương sự, đưa ra quan điểm đề nghị về đường lối giải quyết:

- Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận C khai chứng cứ, biên bản hòa giải mặc dù có mặt nhưng đã không ký các biên bản.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 33, 39, 55, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219, 224 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 213, 219, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị TH được ly hôn anh Hoàng Kim C.

2. Về con chung: C nhận sự thỏa thuận của chị TH và anh C giao con chung là Hoàng Kim P, sinh ngày 14/03/2012. Hiện tại đang ở với anh C cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị TH cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh C mỗi tháng 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 20 tháng 5 năm 2021 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Nhữ Thị TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Xác định Anh C và chị TH có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 326 có diện tích 267 m² (đất ở nông thôn); Thửa đất số 328 diện tích 117 m² (đất nuôi trồng thủy sản) có thời hạn đến 2013, chưa làm thủ tục gia hạn sử dụng tại tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 10 năm 2007 và các tài sản có trên đất.

Đề nghị HĐXX xử giao cho chị TH một phần đất tại thửa đất số 326, tờ bản đồ số 06 và thửa đất số 328 (đất nuôi trồng thủy sản) địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Kim C.

Giao cho anh Hoàng Kim C một phần thửa đất số 326, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Kim C trên đất có nhà 01 tầng bằng bê tông cốt thép, bể nước, một phần C trình phụ.

Anh C được sở hữu sử dụng nhà, đất nên có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị TH.

Về nợ chung: C nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với khoản nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã NQ, buộc chị TH có trách nhiệm trả lại cho anh Hoàng Kim C số tiền 27.320.000đ (1/2 số tiền nợ gốc, lãi là chung anh C đã trả Quỹ tín dụng NQ).

* Về án phí:

Chị Nhữ thị TH phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung đối với phần tài sản chị được hưởng và án phí C nhận sự thỏa thuận trả nợ.

Anh Hoàng Kim C phải chịu tiền án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nhữ Thị TH và anh Hoàng Kim C kết hôn năm 1988, đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ, huyện Ninh Thanh nay là huyện TM ngày 26/3/1998 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị ăn ở chung với bố mẹ anh C sau đó được gia đình cho ra ở riêng, trong quá trình sinh sống anh chị đã nhiều lần mâu thuẫn cãi cọ nhau. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, chị TH đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Bình Giang sinh sống lần cuối cùng chị bỏ về là từ tháng 04 năm 2020, anh C đã nhiều lần tự mình đến tìm, nhờ cô gì chú bác đến nói chuyện với chị TH và gia đình để đón chị về chung sống và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên chị TH kiên quyết không về. Anh C và chị TH đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị TH xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp gì để gìn giữ, níu kéo tình cảm vợ chồng khắc phục những mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị TH và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị TH nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị TH được ly hôn anh C để bảo vệ quyền lợi của chị TH và giúp chị TH, anh C sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị TH có 01 con chung là cháu Hoàng Kim P, sinh ngày 14/03/2012. Hiện tại đang ở với anh C. Cháu Hoàng Kim P có nguyện vọng xin được ở với anh C. Anh C và chị TH thống nhất thỏa thuận giao cháu Hoàng Kim P cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị TH có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh C mỗi tháng 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 21/5/2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của chị TH và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội đồng

thời cũng phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo cho quyền lợi của cháu P nên HĐXX cần ghi nhận sự thỏa thuận đó.

Về quan hệ tài sản chung: Xét thấy thửa đất số 326, 328 hiện tại anh C và chị TH đang quản lý sử dụng có nguồn gốc theo bản đồ 299 (lập năm 1984) thửa 326 nằm trong thửa 467 (loại đất kho) do Hợp tác xã NQ quản lý có diện tích 1351m²; Thửa 328 nằm trong thửa 468 (loại đất ao) có diện tích 300m². Năm 1998, anh Hoàng Kim C là người đăng ký và được UBND huyện TM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, diện tích thửa 326 là 290m², Thửa 328 có diện tích là 138 m². Đến năm 2007, anh Hoàng Kim C đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thôn Văn Xá đã lấy đất mở rộng đường nên diện tích có sự biến đổi, thửa 326 còn 267m²; Thửa 328 còn 117m². Anh Hoàng Kim C và chị Nhữ Thị TH kết hôn năm 1988 sau đó ra mảnh đất này sinh sống, vượt lập và xây dựng trên đất 01 nhà mái bằng, C trình phụ, cổng, sân bê tông, tường bao quanh, trồng một số cây cối...Việc anh Hoàng Kim C trình bày nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Kim Duyên (bố đẻ anh C), ông Duyên có quan điểm là diện tích đất tại thửa 326 (đất ở nông thôn) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C có nguồn gốc là đất của ông còn thửa đất 328 (đất nuôi trồng thủy sản) là do vợ chồng anh C tự vượt lập nhưng ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy, xác định thửa đất 326 trị giá 1.335.000.000đ, 328 trị giá 8.775.000đ trên đất có 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 42,24m² có giá trị 150.406.000đ; Sân bê tông có giá trị: 4.464.240đ; Tường bao gạch chỉ có giá trị 4.569.440đ; bể nước có giá trị 7.010.000đ; 02 trụ cổng và cánh cổng có giá trị 2.005.400đ. Tổng giá trị tài sản là **1.512.230.080đ** là tài sản chung của vợ chồng anh Hoàng Kim C và chị Nhữ Thị TH.

Xét về yêu cầu chia tài sản chung của chị TH, HĐXX nhận thấy hiện tại anh C đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Kim P, anh và cháu P đang sinh sống ổn định nên cần giao một phần lớn đất thổ cư (đất ở nông thôn) bên trên có nhà, bể nước và 02 gian C trình phụ tại thửa 326 Tờ bản đồ số 06 đã được cấp cho anh C quản lý, sở hữu, sử dụng. Chị Nhữ Thị TH hiện tại cũng không có đất, nhà sinh sống nên cần giao cho chị một phần đất thổ cư tiếp giáp với phần đất của anh C kéo dài tiếp giáp với thửa đất 328 (đất nuôi trồng thủy sản) để chị xây dựng nhà và sinh sống để đảm bảo quyền lợi cho anh C, chị TH. Anh C được sở hữu, sử dụng nhà nên sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho chị TH.

Đối với thửa đất số 328 (đất nuôi trồng thủy sản, trước đây là ao đã vượt lên thành vườn) có diện tích 117 m² có chiều dài mặt đường là 8.6m, tuy nhiên chiều dài cạnh phía sau có đoạn chỉ có 3 m, tổng diện tích không thể chia làm 2 đủ điều kiện để hợp thửa (theo quy định của UBND tỉnh HD tối thiểu mỗi người phải được 60m²) cho cả anh C và chị TH. Hơn nữa phần đất chia cho chị TH tiếp giáp với thửa đất này, anh C đã được giao một phần lớn đất thổ cư (đất ở

nông thôn), anh C hiện đang quản lý, khai thác sử dụng một diện tích đất nông nghiệp (trong đó có một phần của chị TH) đã quy hoạch, xây dựng và trồng trọt nên cần giao thửa đất này cho chị TH quản lý, sử dụng khi nào UBND xã NQ, UBND huyện TM có chương trình, kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất thổ cư thì chị TH có quyền được làm thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật đất đai.

Về nợ chung: Anh Hoàng Kim C và chị Nhữ Thị TH thống nhất thỏa thuận chị TH có trách nhiệm trả cho anh C số tiền 27.320.000đ (1/2 tiền gốc, lãi) anh C, chị TH đã vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã NQ, anh C đã thanh toán. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên HĐXX cần C nhận sự thỏa thuận đó.

Đối với các khoản nợ khác anh C kê khai với Tòa án trong quá trình giải quyết gồm: Nợ cơ sở sản xuất đồ gỗ Ánh Lý, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD tiền mua bộ salông còn 10.000.000đ; Nợ đại lý thuốc thú y Trần Hữu Duyên, địa chỉ: Thôn Quàn, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh HD 30.230.000đ; Nợ tiền mua vịt của vợ chồng anh Vũ Văn Ngọc, chị Vũ Thị Thoan, địa chỉ: Thôn Tiên Nữ, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD 60.000.000đ; Vay số tiền 100.000.000đ của ông Hoàng Kim Duyên, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD (bố đẻ anh C); Nợ tiền mua cám C nghiệp của chị Nguyễn Thị Hạnh, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD. Tổng số tiền nợ anh C kê khai là 329.390.000đ. Tòa án nhân dân đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, anh C không nộp trong thời hạn, Tòa án nhân dân huyện TM đã tiến hành lấy lời khai của anh C, anh C xác định chỉ khai vạ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về số tiền xem xét thẩm định tại chỗ: Chị TH tự nguyện chịu cả số tiền xem xét, thẩm định, định giá tài sản chị đã tự thanh toán với Hội đồng định giá, thành viên (cán bộ địa phương) tham gia thẩm định. Xét thấy chị TH không bị ai ép buộc, sự tự nguyện của chị không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên cần chấp nhận và không cần buộc anh C phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị TH là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ; án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ và án phí dân sự chia tài sản chung trên phần giá trị tài sản chung chị được hưởng 34.244.601đ và 50% án phí trả nợ được trừ đi số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp, anh Hoàng Kim C phải chịu án phí chia tài sản chung trên phần giá trị anh được hưởng 34.244.601đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 33, 39, 51, 55, 56, 59, 62, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219, 224 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 213, 219, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 BLTTDS; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị TH được ly hôn anh Hoàng Kim C.

2. Về con chung: C nhận sự thỏa thuận của chị TH và anh C giao con chung là Hoàng Kim P, sinh ngày 14/3/2012, hiện đang ở với anh C cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nhữ Thị TH có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh C mỗi tháng 1.000.000đ phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Chị Nhữ Thị TH có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

Xác nhận khối tài sản chung của chị Nhữ Thị TH và anh Hoàng Kim C gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 326, tờ bản đồ số 06, diện tích 267 m² (đất ở nông thôn) trị giá 1.335.000.000đ (một tỷ, ba trăm ba mươi năm triệu đồng); Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 328, tờ bản đồ số 06 diện tích 117 m² (đất nuôi trồng thủy sản) trị giá 8.775.000đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2007 mang tên anh Hoàng Kim C. Các tài sản, C trình xây dựng trên thửa đất 326 gồm có: Nhà 01 tầng bê tông cốt thép trị giá 150.406.000đ; 01 bể nước trị giá 7.010.000đ; Sân bê tông có khối lượng 7,85m³ có giá trị 4.464.240đ; 02 trụ cổng và cánh cổng có giá là 2.005.400đ, một dãy C trình phụ (các đương sự không yêu cầu định giá); Tường bao xung quanh hai thửa đất trị giá 4.569.440đ. Tổng giá trị tài sản chung của anh C, chị TH là **1.512.230.080đ**. Anh C và chị TH có C sức duy trì, tu tạo lên khối tài sản trên là như nhau vì vậy cần chia cho mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản (**1.512.230.080đ/2= 756.115.040đ**).

Xử: Giao cho chị Nhữ Thị TH được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản gồm: Diện tích đất 117 m² đất thổ cư trị giá 585.000.000đ, tại thửa số 326, diện tích đất 117m² (đất nuôi trồng thủy sản đã vượt lập thành vườn có hạn sử dụng đến năm 2013) trị giá 8.775.000đ tại thửa số 328, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Kim C ngày 01/10/2007 trên đất một phần có C trình phụ (không yêu cầu định giá), 01 cánh cổng, 01 trụ cổng trị giá 1.002.700đ, Sân bê tông diện tích 3 m³ trị giá 2.010.553đ; tường bao 3,80 m²; móng tường bao 2,03 m² (bao quanh thửa đất được chia) trị giá 3.556.900đ và một số cây cối trên phần đất nuôi trồng thủy sản (đã vượt lập thành vườn). Tổng giá trị tài sản chị TH được hưởng là **600.345.153đ**.

Giao cho anh Hoàng Kim C có quyền quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản gồm: 150 m² đất thổ cư trị giá 750.000.000đ, tại thửa số 326, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn Văn Xá, xã NQ, huyện TM, tỉnh HD trên đất có 01 ngôi nhà một tầng mái bằng trị giá 150.406.000đ; Sân bê tông có khối lượng 4,45m³ trị giá 2.558.886đ; 01 trụ cổng +01 cánh cổng trị giá 1.002.700đ; 01 bể nước có giá trị 7.010.000đ; Tường bao 1,08 m³, móng tường bao 0,58m³ trị giá 1.012.500đ. Tổng giá trị tài sản anh C được hưởng là **911.990.086đ**

Anh Hoàng Kim C có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho chị Nhữ Thị TH là 155.875.046đ.

Giao cho anh Hoàng Kim C, chị Nhữ Thị TH tự có trách nhiệm, nghĩa vụ mở lối đi vào phần đất cũng như C trình trên đất đã được phân chia.

Mốc giới đối với diện tích quyền sử dụng đất giao cho chị Nhữ Thị TH như sau: Đối với diện tích 117 m² đất ở tại thửa 326 được nối bởi các điểm ED, FC (đoạn ED dài 5m; Đoạn DC dài 19.8m; Đoạn CF dài 7.0m; Đoạn FE dài 19,8 m) Đối với diện tích đất 117 m² tại thửa 328 (đất nuôi trồng thủy sản) được ký hiệu CD, KM, N (trong đó DK dài 8.6m; KM dài 13,5m; MN dài 4m, NC dài 3m).

Mốc giới đối với diện tích quyền sử dụng đất giao cho anh Hoàng Kim C diện tích 150 m² nối bởi các điểm A, B, E, F trong đó (AE dài 6,2m; EF dài 19,8 ;FB dài 7.5m và BA dài 24.0)

(Có sơ đồ kèm theo).

Về nợ chung: C nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Kim C và chị Nhữ Thị TH, buộc chị TH có trách nhiệm trả cho anh C 27.320.000đ 1/2 số tiền gốc, lãi anh C đã thanh toán với Quỹ tín dụng nhân dân xã NQ, huyện TM, tỉnh HD.

4. Về án phí:

Chị Nhữ Thị TH phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện chịu cả 50% án phí trả nợ chung 683.000đ; và phải chịu 34.244.601đ án phí chia tài sản chung. Được trừ đi số tiền chị đã nộp là 6.300.000đ theo biên lai Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ở AA/2018/ 0002207 ngày 23/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TM, chị TH còn phải nộp 29.227.601đ án phí ly hôn, cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung.

Anh Hoàng Kim C phải chịu 34.244.601đ án phí chia tài sản chung.

Kể từ ngày những người có quyền thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TM;
- Chi cục THADS huyện TM;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã NQ huyện TM.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái